

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN GIỒNG RIỀNG  
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án: 387/2023/HNGĐ - ST

Ngày 14/7/2023

V/v *Tranh chấp hôn nhân và  
gia đình “Xin ly hôn, về nuôi con chung”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên Tòa:* Bà Nguyễn Thị Chuyên

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Hà Bửu Khánh

Ông Huỳnh Hoàng Nam

**- Thư ký phiên Tòa :** Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung là thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng tham gia phiên tòa:**  
Không tham gia phiên tòa.

Ngày 13 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số : 320/2023/TLST- HNGĐ, ngày 17 tháng 5 năm 2023 vụ tranh chấp hôn nhân và gia đình “Xin ly hôn, về nuôi con chung” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số : 204/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 03 tháng 7 năm 2023, giữa;

1. *Nguyên đơn:* Anh Bùi Phi G, sinh năm: 1989; địa chỉ: ấp B, xã L, huyện G, tỉnh K (có mặt).

2. *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm: 1993; địa chỉ: ấp B, xã L, huyện G, tỉnh K (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 28/2/2023 nguyên đơn anh Bùi Phi Giàu trình bày:*

Anh và chị T trước khi lấy nhau có tìm hiểu trước và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới vào ngày 12/12/2012, anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn G, huyện G, tỉnh K vào ngày 16/01/2013. Sau khi cưới cuộc sống vợ

chồng hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm và cách sống, đã cho nhau nhiều cơ hội để sửa chữa nhưng chị T không còn yêu thương anh nữa, vợ chồng sống ly thân từ tháng 12/2022 cho đến nay. Nay anh thấy cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, hôn nhân không thể tiếp tục duy trì được nên anh G yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị T; Về con chung: Vợ chồng có một người con chung tên Bùi Anh Kh, sinh ngày 17/3/2017 hiện đang ở với anh G, anh xin được nuôi con không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con; Về tài chung, nợ chung: Không có

Tại bản tự khai ngày 20/5/2023 chị Nguyễn Thị Thanh T trình bày: Chị và anh G trước khi lấy nhau có tìm hiểu và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới vào năm 2012, chung sống được một thời gian anh G không chịu làm ăn thường đi chơi game khuya mới về, không quan tâm chăm sóc vợ con, chị đã nhiều lần cho anh G cơ hội sửa chữa nhưng không có kết quả. Nay anh G xin ly hôn thì chị cũng đồng ý; Về con chung có 01 đứa, hiện đang ở với anh G, chị đồng ý giao con cho anh G tiếp tục nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con; Về tài chung, nợ chung: Không có

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. Về tố tụng: Anh Bùi Phi G yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình “Xin ly hôn, về nuôi con chung” giữa anh và chị T. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện nên Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm là đúng trình tự, thủ tục tố tụng.

- Về sự có mặt của đương sự: Chị Nguyễn Thị Thanh T đã được Tòa án tổng đạt các thủ tục tố tụng, chị đã nộp bản tự khai và có đơn xin xét xử vắng mặt. Xét thấy việc vắng mặt của chị T không làm ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án căn cứ vào khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với chị T.

[2]. Về nội dung:

{2.1} Về hôn nhân: Anh Bùi Phi G và chị Nguyễn Thị Thanh T trước khi lấy nhau có tìm hiểu trước và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới vào ngày 12/12/2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn G, huyện G, tỉnh K vào ngày 16/01/2013 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống vợ chồng không tự hòa giải được những mâu thuẫn dẫn đến cãi vã. Quá trình chung sống anh chị đã phát sinh nhiều mâu thuẫn do anh G không chịu làm ăn, vợ chồng không tin tưởng nhau đã cho nhau cơ hội để sửa chữa, vợ

chồng cũng hàn gắn nhiều lần nhưng không có kết quả. Anh G và chị T đã sống ly thân từ tháng 02/2023 cho đến nay. Hội đồng xét xử thấy rằng hôn nhân của anh chị phải được xây dựng trên cơ sở hôn nhân tự nguyện, bền vững lâu dài, vợ chồng cùng quan tâm chăm sóc lẫn nhau, kể từ khi anh G, chị T sống ly thân cho đến nay anh chị không còn quan tâm chăm sóc nhau nữa, mâu thuẫn giữa vợ chồng đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại bản tự khai đề ngày 20/5/2023 chị Nguyễn Thị Thanh T cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh G. Do đó, áp dụng khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Xử chấp nhận cho anh Bùi Phi G được ly hôn với chị Nguyễn Thị Thanh T.

{2.2} Về con chung: Vợ chồng anh chị xác định có 01 người con chung tên Bùi Anh Kh, sinh ngày 17/3/2017 hiện đang ở với anh G, anh xin được nuôi con không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Tại bản tự khai chị T cũng đồng ý giao con cho anh G nuôi. Cho nên, áp dụng khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Xử giao cháu Kh cho anh G trực tiếp nuôi dưỡng, anh G không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không giải quyết.

Chị T có quyền đến thăm nom , chăm sóc , giáo dục con chung , không ai được quyền cản trở.

{2.3} Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

[3] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án:

Án phí ly hôn sơ thẩm anh G phải nộp là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh G đã nộp theo biên lai thu tiền số 8117 ngày 17/5/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng. Anh G đã nộp đủ.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH:

*Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án:*

**1. Về hôn nhân :** Xử chấp nhận cho anh Bùi Phi G được ly hôn với chị Nguyễn Thị Thanh T.

**2. Về con chung:** Xử giao cháu Bùi Anh Kh, sinh ngày 17/3/2017 cho anh G trực tiếp nuôi dưỡng, anh G không yêu cầu cấp dưỡng nên chị T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị T có quyền đến thăm nom , chăm sóc , giáo dục con chung , không ai được quyền cản trở.

**3. Về tài sản chung, nợ chung:** Không có

**4. Về án phí:** Án phí ly hôn sơ thẩm anh G phải nộp là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh G đã nộp theo biên lai thu tiền số 8117 ngày 17/5/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng. Anh G đã nộp đủ.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày; Anh G được tính kể ngày tuyên án (ngày 14/7/2023). Chị T được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết của Tòa án.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Chi cục thi hành án;
- Đương sự;
- UBND xã;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**  
(Đã ký và đóng dấu)

**Nguyễn Thị Chuyên**